



xiāng ài

相爱

verb · to love each other

Example Sentence

xiāng ài de rén yīng gāi hù xiāng lǐ jiě hé zhī chí
相爱的人应该互相理解和支持。

People who love each other should
understand and support one another.

Trace each character, then write the word on your own.

相	相	相	相	相	相	相	相	相	相	相
相										

爱	爱	爱	爱	爱	爱	爱	爱	爱	爱	爱
爱	爱									
